

Số: 1390/QĐ-UBND

Tân Biên, ngày 07 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng**  
**xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Hướng dẫn số 2257/HD-SXD ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Tân Biên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 60/TTr-KTHT ngày 06/4/2023.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 với các nội dung sau:

**1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Xã Thạnh Tây nằm ở trung tâm huyện Tân Biên, nằm bao quanh thị trấn Tân Biên, gồm 05 ấp: Thạnh Tân, Thạnh Trung, Thạnh Tây, Thạnh Sơn và Thạnh Nam. Diện tích tự nhiên toàn xã là 5.788,35 ha.

**a) Quy mô diện tích:**

Quy mô diện tích lập quy hoạch chung xã Thạnh Tây đến năm 2035: 4.790,32 ha.

Giới hạn tứ cận phạm vi lập quy hoạch chung xã:

- Phía Đông : Giáp xã Thạnh Bình và thị trấn Tân Biên;
- Phía Tây : Giáp xã Hòa Hiệp;
- Phía Nam : Giáp xã Tân Phong;
- Phía Bắc : Giáp xã Tân Lập và xã Tân Bình.

**b) Quy mô dân số:**

- Dân số hiện trạng:
- + Dân số hiện trạng toàn xã: 11.753 người.
- + Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch: 7.893 người.
- Dự báo quy mô dân số khu vực lập quy hoạch:
- + Đến năm 2030: Khoảng 8.700 người.
- + Đến năm 2035: Khoảng 9.100 người.

**2. Mục tiêu quy hoạch**

**a) Mục tiêu chung:**

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Biên giai đoạn 2021 - 2030 và quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Biên thời kỳ 2021 - 2030;
- Làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

**b) Mục tiêu cụ thể:**

- Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng trong xã Thạnh Tây một cách hợp lý để khai thác hiệu quả đất đai, đảm bảo dự phát triển kinh tế xã hội và giữ gìn cảnh quan, môi trường.
- Tổ chức hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, cải thiện điều kiện ở và làm việc của người dân trên địa bàn xã, phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng xã Thạnh Tây đạt tất cả các tiêu chí xã nông thôn mới,

duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng chính phủ ban hành tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022.

### **3. Tính chất – chức năng**

a) Tính chất:

Là xã nông thôn mới với kinh tế chủ đạo là sản xuất nông nghiệp.

b) Chức năng:

Các khu chức năng chính của xã gồm:

- Khu ở (gồm lô đất ở gia đình và các công trình phục vụ trong các điểm dân cư nông thôn);
- Khu trung tâm xã (hành chính, thương mại dịch vụ, văn hóa thể thao, giáo dục, y tế,...);
- Các công trình hạ tầng xã hội;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước,...);
- Khu vực sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

### **4. Thời hạn lập quy hoạch**

Thời hạn quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Tây đến năm 2035. Gồm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn ngắn hạn: 2022 - 2030;
- Giai đoạn dài hạn: 2030- 2035.

### **5. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo**

#### **5.1. Tổ chức điểm dân cư trung tâm xã**

- Vị trí: Thuộc ấp Thạnh Trunng, nằm dọc theo tuyến QL.22B.
- Tính chất: là điểm dân cư trung tâm xã, có mật độ cao, kết hợp dịch vụ thương mại;
- Các khu chức năng của trung tâm xã:
  - + Trung tâm hành chính, văn hóa, công cộng, dịch vụ thương mại của xã, ...
  - + Khu ở trung tâm: phát triển mở rộng, đáp ứng các nhu cầu đất ở mới của xã.
  - + Xây dựng các trung tâm dịch vụ thương mại, khu vui chơi giải trí, cây xanh tập trung.
- Không gian: Trên cơ sở hệ thống trung tâm xã đã có, bổ sung các công trình công cộng còn thiếu, mở rộng quy mô đất các công trình chưa đủ diện tích để

tạo thành các trung tâm hoàn chỉnh.

- Diện tích: khoảng 148 ha
- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2035, dân số vào khoảng 3.800 người;
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn, nhà liên kết.

## 5.2. Tổ chức các điểm dân cư tập trung

### a) Điểm dân cư Số 1:

- Vị trí: Thuộc ấp Thạnh Tân, dọc hai bên QL.22B.
- Diện tích: khoảng 128 ha.
- Quy mô dân số: khoảng 2.800 người;
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp DVTM, công cộng;
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn, kết hợp với nhà liên kết.

### b) Điểm dân cư Số 2:

- Vị trí: Thuộc ấp Thạnh Tây, dọc hai bên đường tránh QL.22B và ĐH. Cần Đăng – Trảng Dòng (Mở rộng ra khoảng 100m dọc hai bên đường).
- Diện tích: khoảng 78 ha;
- Quy mô dân số: khoảng 2.100 người;
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp;
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn, kết hợp với nhà liên kết.

### c) Điểm dân cư Số 3:

- Vị trí: Thuộc ấp Thạnh Nam, dọc theo đường ĐT.795C (Mở rộng ra khoảng 50m từ lộ giới đường Thạnh Nam).
- Diện tích: khoảng 10,71 ha;
- Quy mô dân số: khoảng 400 người;
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ cao, kết hợp dịch vụ thương mại.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn, kết hợp với nhà liên kết.

## 6. Định hướng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

### a) Trung tâm hành chính xã:

- Vị trí: tại ấp Thạnh Trung, vị trí UBND xã hiện hữu.
- Gồm các công trình:

- + Trụ sở UBND xã.
- + Hội trường.
- + Ban Chỉ huy quân sự xã: 0,51 ha.

- Hình thức: Nâng cấp, cải tạo.

b) Y tế:

- Trạm y tế xã: 0,09 ha tại ấp Thạnh Trung.
- Hình thức: Nâng cấp, cải tạo.

c) Các không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng:

- Gồm có Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng, các nhà văn hóa ấp, các khu cây xanh, thể dục thể thao:

+ Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng 0,86 ha tại ấp Thạnh Trung hiện hữu (Đang xây dựng).

+ Nhà văn hóa ấp Thạnh Tân: 0,08 ha tại ấp Thạnh Tân.

+ Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung: 0,08 ha tại ấp Thạnh Trung.

+ Nhà văn hóa ấp Thạnh Tây: 0,1 ha tại ấp Thạnh Tây.

+ Khu thể dục thể thao xã: 0,84 ha tại ấp Thạnh Tây (Quy hoạch mới).

+ Sân thể thao ấp Thạnh Tân: 1,00 ha (Quy hoạch mới).

+ Khu công viên – TDTT ấp Thạnh Trung: 2,09 ha (Quy hoạch mới).

- Hình thức: Nâng cấp cải tạo các nhà văn hóa hiện hữu; xây dựng mới thêm các công viên cây xanh, sân thể dục thể thao để đạt chỉ tiêu cây xanh, thể dục thể thao  $\geq 4m^2$ /người theo quy định.

d) Các công trình giáo dục:

Nâng cấp, cải tạo các trường học hiện có, gồm:

- Trường Mầm non Hoa Hồng: 0,34 ha tại ấp Thạnh Trung.

- Trường Tiểu học Thạnh Tây: 0,34 ha tại ấp Thạnh Trung.

- Trường THCS Nguyễn Khuyến: 1,14 ha tại ấp Thạnh Trung.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, bổ sung, mở rộng không gian dành cho các hoạt động ngoại khóa, TDTT của học sinh tại các trường học hiện hữu.

e) Công trình thương mại dịch vụ:

Quy hoạch mới 01 trung tâm thương mại dịch vụ, sẽ hình thành sau năm 2030 tại vị trí giao nhau giữa đường tránh QL.22B và ĐH. Cần Đăng – Trảng Dòng.

f) Bưu chính viễn thông:

Mở rộng, cải tạo Bưu điện xã hiện hữu: 0,02 ha tại ấp Thạnh Trung.

## 7. Định hướng tổ chức các khu sản xuất nông nghiệp

a) Phân vùng sản xuất:

Toàn xã được phân bố gồm 03 vùng sản xuất chính:

- Vùng 1: Vùng chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm. Diện tích khoảng 1.371 ha.
- Vùng 2: Vùng chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm và trang trại chăn nuôi. Diện tích khoảng 1.634 ha.
- Vùng 3: Vùng chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm. Diện tích 1.170 ha.

b) Định hướng sản xuất:

- Vùng sản xuất nông nghiệp là vùng chủ yếu của xã, với các loại cây trồng chủ yếu: cao su, cây ăn trái, và cây lương thực. Phần lớn diện tích đất trồng cao su hiện nay do người dân hộ cá thể quản lý và khai thác. Nhìn chung, vùng canh tác nông nghiệp của xã đã ổn định trong nhiều năm qua.

- Khu sản xuất nông nghiệp: Toàn bộ diện tích trồng trọt cao su, cây lâu năm và cây hàng năm, trồng màu và nuôi cá, giữ nguyên hình thái sử dụng đất khu vực này. Dự kiến trong thời gian tới, diện tích đất trồng lúa của xã được chuyển đổi sang lại cây trồng phù hợp hơn.

- Các cơ sở sản xuất không gây độc hại nằm xen lẫn khu dân cư vẫn giữ lại.

- Đảm bảo khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thông qua hệ thống kênh thủy lợi và các sông suối: Kênh TB1, TB2, N2, N8-5-2, N8-5-3, suối Tre, Suối Mây,...

## 8. Quy hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu tại các ấp trên địa bàn xã, định hướng đến năm 2035 sẽ tổ chức cải tạo, chỉnh trang và phát triển 04 điểm dân cư.

Dựa trên dân số dự báo của xã theo các giai đoạn và tính chất chức năng của xã đưa ra tính toán nhu cầu về diện tích đất đai xã như sau:

**Bảng 1. Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn quy hoạch**

Giai đoạn		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
Dân số (người)		8.700		9.100	
Diện tích quy hoạch (ha)		4.790,32		4.790,32	
Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
1	Đất nông nghiệp	4.290,11		4.190,86	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.270,05		4.174,53	
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	6,33		6,33	
1.3	Đất nông nghiệp khác	13,73		10,00	

Giai đoạn		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
Dân số (người)		8.700		9.100	
Diện tích quy hoạch (ha)		4.790,32		4.790,32	
Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
2	Đất xây dựng	390,25		489,50	
2.1	Đất ở	168,37	193,53	263,89	289,99
2.1.1	Điểm dân cư trung tâm	56,88		97,91	
2.1.2	Điểm dân cư Số 1	49,63		93,00	
2.1.3	Điểm dân cư Số 2	60,77		62,27	
2.1.4	Điểm dân cư Số 3	1,09		10,71	
2.2	Đất công cộng	3,56	4,09	5,75	6,32
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan	0,51		0,51	
2.2.2	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1,12		1,12	
	Trung tâm Văn hóa Thể thao Học tập cộng đồng	0,86		0,86	
	Nhà văn hóa ấp Thạnh Tân	0,08		0,08	
	Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung	0,08		0,08	
	Nhà văn hóa ấp Thạnh Tây	0,10		0,10	
2.2.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,09		0,09	
2.2.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	1,82		1,82	
	Trường Mầm non Hoa Hồng	0,34		0,34	
	Trường Tiểu học Thạnh Tây	0,34		0,34	
	Trường THCS Nguyễn Khuyến	1,14		1,14	
2.2.5	Đất bưu chính viễn thông	0,02		0,02	
2.2.6	Trung tâm thương mại dịch vụ	0,00		2,19	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	3,93	4,52	3,93	4,32
	Khu TDTT xã (ấp Thạnh Tây)	0,84		0,84	
	Sân thể thao ấp Thạnh Tân	1,00		1,00	
	Khu công viên - TDTT ấp Thạnh Trung	2,09		2,09	
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng, di tích	2,61		2,61	
2.4.1	Tôn giáo, tín ngưỡng	1,45		1,45	
	Chùa Phước Trường Tự (ấp Thạnh Tân)	0,41		0,41	

Giai đoạn		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
Dân số (người)		8.700		9.100	
Diện tích quy hoạch (ha)		4.790,32		4.790,32	
Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	Giáo họ Bình Tân (ấp Thạnh Tân)	0,43		0,43	
	Chùa Phước Thành	0,61		0,61	
2.4.2	Khu di tích tiểu bang bảo vệ chính trị C51	1,16		1,16	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	35,45		35,45	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	26,50		26,50	
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	149,73		151,27	
2.7.1	Đất giao thông	145,10	166,78	146,64	161,14
2.7.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,26		4,26	
	Nghĩa địa ấp Thạnh Tân	1,15		1,15	
	Nghĩa địa ấp Thạnh Trung	2,13		2,13	
	Nghĩa địa tại ấp Thạnh Tây	0,98		0,98	
2.7.3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (công trình cấp điện, nước,...)	0,37		0,37	
	Trạm xăng	0,29		0,29	
	Trạm cấp nước	0,08		0,08	
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	0,10		0,10	
	Trụ sở công an xã	0,10		0,10	
3	Đất khác	109,96		109,96	
	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	109,96		109,96	

## 9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 9.1. Quy hoạch giao thông

#### a) Giao thông đối ngoại:

##### \* Đường quốc lộ:

- **Quốc Lộ 22B:** Điểm đầu giao với QL.22 tại huyện Gò Dầu; điểm cuối ở của khẩu chính Chàng Riệc tại xã Tân Lập - huyện Tân Biên. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Tây theo hướng Bắc Nam, chiều dài khoảng 11,8 km, trong đó gồm 7,8 km QL.22B đoạn tránh thị trấn Tân Biên (tuyến mở mới) và 04 km QL.22B hiện hữu. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp II, mặt cắt ngang như sau:



- + Lộ giới: 65,5m.
- + Mặt đường: 2 x 7,5 m.
- + Lề gia cố: 2 x 3,75 m (Bố trí làn riêng dành cho xe đạp và xe thô sơ trên phần lề gia cố, có dải phân cách bên ngăn với phần xe cơ giới bằng lan can phòng hộ cao ít nhất 0,8m tính từ mặt đường).

- + Dải phân cách giữa: 03 m.
- + Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 03 m.
- + Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 17m.

\* Đường tỉnh:

Trên địa bàn xã có 3 tuyến đường tỉnh gồm:

- **ĐT.795C:** Điểm đầu giao với ĐT.795 tại xã Suối Dây - huyện Tân Châu; Điểm cuối ở cửa khẩu phụ Hòa Hiệp tại xã Hòa Hiệp – huyện Tân Biên. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Tây đi trùng với đường Thạnh Tây – Hòa Hiệp, dài khoảng 3,2 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, mặt cắt ngang như sau:

- + Lộ giới: 45 m.
- + Mặt đường: 2 x 3,5 m.
- + Lề đường: 2 x 04 m, trong đó lề gia cố 3m (Bố trí làn riêng dành cho xe đạp và xe thô sơ trên phần lề gia cố, có dải phân cách bên bằng vạch kẻ).
- + Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 02 m.
- + Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 13 m.

- **ĐT.795D:** Điểm đầu giao với QL.22B tại xã Thạnh Tây; Điểm cuối giao với ĐT.785 tại xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Tây dài khoảng 4,5 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, mặt cắt ngang như sau:

- + Lộ giới: 45 m.
- + Mặt đường: 2 x 3,5 m.
- + Lề đường: 2 x 04 m, trong đó lề gia cố 3m (Bố trí làn riêng dành cho xe đạp và xe thô sơ trên phần lề gia cố, có dải phân cách bên bằng vạch kẻ).
- + Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 02 m.
- + Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 13 m.

- **ĐT.788B (Đ. Phước Vinh – Sóc Thiệt – Tà Xia):** Điểm đầu giao với ĐT.788 tại xã Phước Vinh – huyện Châu Thành; Điểm cuối giao với ĐT.783 tại xã Tân Bình – huyện Tân Biên. Đoạn đi qua địa bàn xã Thạnh Tây dài khoảng 1,2 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, mặt cắt ngang như sau:

- + Lộ giới: 45 m.
- + Mặt đường: 2 x 3,5 m.

+ Lê đường: 2 x 04 m, trong đó lê gia cố 3m (Bố trí làn riêng dành cho xe đạp và xe thô sơ trên phần lê gia cố, có dải phân cách bên bằng vạch kẻ).

+ Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 02 m.

+ Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 13 m.

\* Đường huyện:

- **Đ. Cần Đăng-Trảng Dòng:** Điểm đầu giao với QL.22B hiện hữu tại thị trấn Tân Biên; Điểm cuối giao với ĐT.788B (Đ. Phước Vinh – Sóc Thiết – Tà Xia) tại xã Hòa Hiệp – huyện Tân Biên. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Tây dài khoảng 4,4 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt cắt ngang như sau:

+ Lộ giới: 32 m.

+ Mặt đường: 10 m.

+ Lê gia cố: 2 x 01 m.

+ Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 01 m.

+ Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 09 m.

b) Giao thông đối nội:

\* Đường xã:

Trên địa bàn xã có 19 tuyến đường xã được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp A, mặt cắt ngang như sau:

- Lộ giới: 20 m.

- Mặt đường: 7,0 m.

- Lê đường: 2 x 1,5 m.

- Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 01 m.

- Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 04 m.

\* Đường thôn:

Trên địa bàn xã có 35 tuyến đường thôn, trong đó có 11 tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp B và 24 tuyến theo tiêu chuẩn đường cấp C.

Mặt cắt ngang đường thôn cấp B:

- Lộ giới: 16,5 m.

- Mặt đường: 5,0 m.

- Lê đường: 2 x 0,75 m.

- Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ: 2 x 01 m.

- Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 04 m.

Mặt cắt ngang đường thôn cấp C:

- Lộ giới: 13 m.

- Mặt đường: 3,5 m.
- Lề đường: 2 x 0,75 m.
- Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 04 m.

\* Đường nội đồng:

Đường nội đồng trên địa bàn xã được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp D, mặt cắt ngang như sau:

- Lộ giới: 11 m.
- Mặt đường: 2,5 m.
- Lề đường: 2 x 0,25 m.
- Hành lang an toàn đường bộ: 2 x 04 m.

## 9.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

### a) Quy hoạch cao độ nền:

- Khu vực đã xây dựng với mật độ cao: Giải pháp san nền cho các khu vực này là: giữ nguyên địa hình hiện trạng. Công tác chuẩn bị kỹ thuật chủ yếu là giải quyết việc thoát nước mặt.

- Khu vực xây dựng mới: Giải pháp san nền trong từng khu đất được thiết kế trùng với hướng dốc địa hình tự nhiên để tránh đào đắp, cao độ nền được thiết kế cao hơn mặt đường để thuận lợi cho giải pháp thoát nước mặt. Giải pháp nền chủ yếu là san lấp cục bộ từng hạng mục công trình.

- Độ dốc nền thiết kế cơ sở sản xuất tối thiểu 0,3%
- Đường giao thông:
- + Độ dốc ngang: 2%.
- + Độ dốc dọc tối thiểu: 0,3%.
- + Chiều cao bó vỉa: 0,20m.

### b) Quy hoạch thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước mưa các điểm dân cư xã Thạnh Tây được thiết kế mới, hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng. Lưu vực thoát nước mưa được chia thành nhiều lưu vực nhỏ, nhằm mục đích giảm chiều dài và tiết diện cống thoát nước mưa. Xây dựng mới các tuyến cống thoát nước mặt để đảm bảo thoát nước mặt triệt để cho khu vực, tránh ngập úng cục bộ.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống cống tròn BTCT. Cống được thiết kế đặt trên hè, chạy dọc theo các tuyến đường để thu nước từ công trình và mặt đường. Nước mưa được thoát ra suối Cần Đăng, suối Mây, suối Tre, các kênh rạch nhỏ khác.

## 9.3. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn xã 1.345 m<sup>3</sup>/ngày:

- Nguồn nước cấp:

+ Tận dụng trạm cấp nước ngầm hiện hữu, nâng cấp và cải tạo, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các điểm dân cư số trung tâm và điểm dân cư Số 1, với tổng công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Xây dựng mới trạm cấp nước điểm dân cư Số 2, công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Cơ sở tiêu thụ công nghiệp sử dụng nguồn nước riêng, xây dựng trạm cấp nước riêng.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Do dân cư phân bố theo từng điểm hoặc theo tuyến, chủ yếu là các tuyến đường lộ như quốc lộ 22B, các trục đường chính của xã..., nên mạng lưới cấp nước thiết kế là mạng tuyến cụt.

+ Các tuyến ống được đi cấp theo đường, bố trí trên hè đường, nằm phía trước các công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước.

+ Lắp đặt các tuyến ống Ø100-Ø150 lấy nước từ tuyến ống chính, cấp nước cho toàn bộ các khu dân cư của xã.

+ Tuyến ống cấp nước được bố trí dưới hè đường, nằm phía trước các công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước.

+ Các tuyến ống cấp nước sử dụng ống nhựa uPVC hoặc ống nhựa HDPE.

+ Bố trí các trụ cứu Ø100 - Ø150 hỏa dọc theo mạng đường ống cấp nước, tại các vị trí ngã 3, ngã 4 đường, đảm bảo cho việc lấy nước chữa cháy dễ dàng. (chi tiết bố trí với bán kính 100-150m được thể hiện trong đồ án quy hoạch cấp dưới).

#### 9.4. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

##### a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: 650 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ nhà dân, các công trình công cộng phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải ra cống gom.

- Các điểm dân cư mật độ thấp, lượng nước thải nhỏ, nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa.

##### b) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Quản lý CTR:

+ Tổng lượng CTR: khoảng 7,28 tấn/ngày.

+ Thành lập đội thu gom CTR cho xã, tất cả CTR được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại huyện Tân Châu.

- Nghĩa trang:

+ Hiện tại xã có 3 nghĩa địa tập trung, khoảng cách an toàn vệ sinh môi

trường của các nghĩa địa đối với nguồn cấp nước sinh hoạt tập trung và mép đầm dân.

- + Nhu cầu đất nghĩa địa: 0,55 ha.
- + Diện tích đất nghĩa địa của xã hiện nay 4,26 ha.

#### 9.5. Quy hoạch cấp điện

a) Tổng công suất điện yêu cầu: 4.787,12 KW.

b) Nguồn điện:

Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV từ lưới trạm 110kV Tân Biên đưa đến qua đường QL.22B.

#### 9.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Số lượng thuê bao cần thiết: 2.661 thuê bao.

- Hiện nay xã Thạnh Tây đã có điểm bưu điện văn hóa xã Thạnh Tây, với quy mô dung nhu cầu thuê bao tính trên cần nâng cấp điểm bưu điện văn hóa xã Thạnh Tây thành bưu cục cấp 3 để phục vụ người dân trong xã được tốt hơn. Ngoài ra khu tiểu thủ công nghiệp cần xây dựng mới các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để phục vụ cho khu vực quy hoạch này.

### 10. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Giai đoạn 2022-2030:

+ Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

+ Lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư trung tâm xã.

+ Đầu tư xây dựng mới Khu TĐTT xã tại ấp Thạnh Tây và 02 khu công viên cây xanh – TĐTT theo quy hoạch tại ấp Thạnh Tân và Thạnh Trung.

+ Mở rộng bưu điện theo diện tích quy hoạch.

- Giai đoạn 2030 – 2035:

+ Lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư Số 1, Số 2.

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, chú trọng nâng cấp các tuyến đường xã và các tuyến đường nội đồng chính.

### Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giao UBND xã Thạnh Tây tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo quy định.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Thạnh Tây chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thanh*

*Nơi nhận: hante*

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- TT HỦ; TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NCTH;
- Lưu: VT, PKTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
*KT* CHỦ TỊCH  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Thị Minh Thanh**